

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 08-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lăng Đức Quang

Bà Nguyễn Thị Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Tổng Văn B, sinh ngày 25 tháng 6 năm 1987 tại huyện C, TP Hà Nội. Nơi thường trú: Đội 4, thôn Đ, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ I, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; CCCD số: 001087029543 cấp ngày 14/6/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; con ông Tổng Văn Đ, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1948; có vợ là Tổng Thị Thu V, sinh năm 1990; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/3/2019 Công an huyện C, thành phố Hà Nội ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Tổng Văn B về hành vi gây thương tích cho người khác, phạt tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), ngày 02/4/2019 bị cáo chấp hành xong và đã được xóa, hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Phạm Việt D, sinh năm 1982; vắng mặt.

- + Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1987; vắng mặt.
- + Ông Hoàng Văn D1, sinh năm 1966; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2024, B sử dụng tài khoản Facebook có tên “*Tổng Bình*” đăng bài viết với nội dung tìm mua gỗ S1 mộc dầu (N), sau đó B nhắn tin liên hệ với một tài khoản Facebook (*Do B bị mất điện thoại và không nhớ mật khẩu Facebook nên không nhớ tên*) có đăng bán gỗ và đặt mua khoảng 02m³ gỗ Sa mộc dầu, người này hẹn khi nào có sẽ liên hệ với B. Đến khoảng tháng 9 năm 2024 người B đặt mua gỗ có liên hệ qua mạng xã hội facebook, thông báo đã có gỗ và hẹn ngày chuyển đến cho B. Do nhà B không đủ chỗ để gỗ, B đến nhà Phạm Việt D, trú tại tổ A, thị trấn V, huyện B đặt vấn đề cho để nhờ gỗ tại khu đất trống cạnh nhà D. Quá trình trao đổi B nói với D gỗ có giấy tờ đầy đủ, hợp pháp, D đồng ý. Sau đó B gửi vị trí nhà của D qua Facebook cho người bán gỗ để vận chuyển đến và hẹn khi nào cân gỗ xong sẽ trả tiền, giá cả thỏa thuận là 10.000đ/kg (*mười nghìn đồng trên một kilôgam*).

Khoảng 2 ngày sau, người bán gỗ có nhắn tin thông báo cho B xe gỗ đã đến điểm hẹn, B liên hệ thuê Hoàng Văn D1 trú tại tổ I, thị trấn V, huyện B và Đoàn Văn H trú tại tổ A, thị trấn V, huyện B đến nhà Phạm Việt D để bốc gỗ. B đến nhà Phạm Việt D thấy một chiếc xe tải, màu xanh, thùng xe được phủ kín (*B không nhớ biển kiểm soát*), trên xe có một người đàn ông khoảng 30 tuổi (*B không quen biết và chưa gặp bao giờ*) đưa cho B một chiếc cân loại 100Kg ở trên xe bên ghế phụ và bảo B cân kiểm tra xem đủ 2 tấn gỗ không, lúc này gia đình Phạm Việt D không có ai ở nhà. Sau đó Hoàng Văn D1 và H cùng B bốc gỗ trên thùng xe xuống để cân và cắt gỗ tại vị trí khu đất trống bên phải nhà Phạm Việt D hướng từ đường vào, còn người bán gỗ cho B ngồi trên xe đóng kín cửa kính không tham gia bốc gỗ. B, Hoàng Văn D1 và Đoàn Văn H bốc gỗ được khoảng 40 phút thì xong, B trả cho Hoàng Văn D1 và Đoàn Văn H mỗi người 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền công bốc gỗ, sau đó Hoàng Văn D1 và Đoàn Văn H đi về, B ở lại chọn những khúc gỗ đẹp bốc lên thùng xe ô tô của người bán gỗ và nhờ vận chuyển về nhà để cất giấu. Sau khi chọn gỗ xong B lấy những tấm chăn cũ che phủ lên số gỗ để tránh bị phát hiện. Sau đó B dẫn đường và đưa người bán gỗ điều khiển xe ô tô về nhà B. Khi đến nhà B bốc gỗ từ xe ô tô xuống và trả cho người đàn ông này số tiền là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). Toàn bộ số gỗ B mua đều không có hồ sơ, thủ tục chứng minh nguồn gốc hợp pháp.

Ngày 19/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 827/QĐ-CSĐT trưng cầu Chi cục Kiểm lâm tỉnh H, tiến hành giám định lâm sản (gỗ).

Ngày 31/12/2024 Chi cục Kiểm lâm tỉnh H có bản kết luận giám định tư pháp số: 18-2024/KL/TCGĐ, kết luận như sau:

- Đối với 63 (*sáu mươi ba*) khúc gỗ dạng gốc rễ thu giữ tại nhà Tống Văn B, sau khi phân loại được 03 nhóm gỗ có tính đồng nhất về chủng loại, cụ thể:

+ Nhóm 01: Gỗ Sa Mộc D2 (*ngọc am*) số lượng 45 khúc, cục. Khối lượng 269 kg; Mẫu gỗ ký hiệu A1 đánh số 52 được đánh số 24015-30; A2 đánh số 53 được đánh số 24015-31 của Chi cục Kiểm lâm là cùng một loại gỗ có tên, nhóm gỗ:

Tên Việt Nam: Sa Mộc Dầu

Tên gọi khác: Sa Mu D3

Tên khoa học: C.

Sa M (C) là cây gỗ lớn thuộc chi S (C) họ Hoàng đàn (Cupressaceae).

Sa M (C) được xếp nhóm IA trong “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 22/01/2019 và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 22/01/2019;

G (C) được xếp nhóm I trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ L - nay là Bộ N.

+ Nhóm 02: Gỗ Xoan số lượng 08 khúc, cục. Khối lượng 176,0 kg; Mẫu gỗ ký hiệu A3 đánh số 14 được đánh số 24015-32 của Chi cục Kiểm lâm H có tên, nhóm gỗ:

Tên Việt Nam: Xoan ta

Tên khoa học: Melia azedarach L1.

Xoan ta (Melia azedarach L1) được xếp nhóm VI trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ L - nay là Bộ N.

+ Nhóm 03: Gỗ Xà cừ số lượng 10 khúc, cục. Khối lượng 225,0 kg; Mẫu gỗ ký hiệu A4 đánh số 52, được đánh số 24015-33 của Chi cục Kiểm lâm H có tên, nhóm gỗ:

Tên Việt Nam: Xà cừ

Tên khoa học: Khaya senegalensis A.Juss

Xà cừ (Khaya senegalensis A.Juss) được xếp nhóm IV trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ L - nay là Bộ N.

- Đối với 42 (*bốn mươi hai*) khúc gỗ dạng gốc rễ thu giữ tại nhà Tống Văn B thuê, sau khi phân loại được 02 nhóm gỗ có tính đồng nhất về chủng loại:

+ Nhóm 01: Gỗ Sa Mộc D2 (*ngọc am*) số lượng 35 khúc, cục. Khối lượng 379,0 kg; Mẫu gỗ ký hiệu A5 đánh số 11, được đánh số 24015-34 có tên, nhóm gỗ:

Tên Việt Nam: Sa Mộc Dầu

Tên gọi khác: Sa Mu D3

Tên khoa học: C.

Sa M (C) là cây gỗ lớn thuộc chi S (C) họ Hoàng đàn (Cupressaceae).

Sa M (C) được xếp nhóm IA trong “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 22/01/2019 và

Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 22/01/2019;

G (C) được xếp nhóm I trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ L - nay là Bộ N.

+ Nhóm 02: Gỗ Xà cừ số lượng 07 khúc, cục. Khối lượng 134,0 kg; Mẫu gỗ ký hiệu A6 đánh số 33, được đánh số 24015-35 có tên, nhóm gỗ:

Tên Việt Nam: Xà cừ

Tên khoa học: *Khaya senegalensis* A.Juss

Xà cừ (*Khaya senegalensis* A.Juss) được xếp nhóm IV trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ L - nay là Bộ N.

- Đối với 280 (*hai trăm tám mươi*) khúc gỗ dạng gốc rễ thu giữ tại nhà Phạm Việt D, sau khi phân loại được 02 nhóm gỗ có tính đồng nhất về chủng loại:

+ Nhóm 01: Gỗ Sa Mộc D2 (*ngọc am*) số lượng 243 khúc, cục. Khối lượng 1815 kg; Mẫu gỗ ký hiệu A7 đánh số 121 được đánh số 24015-36; Mẫu gỗ ký hiệu A8 đánh số 99 được đánh số 24015-37; Mẫu gỗ ký hiệu A9 đánh số 26 được đánh số 24015-38 là cùng một loại gỗ có tên, nhóm gỗ:

Tên Việt Nam: Sa Mộc Dầu

Tên gọi khác: Sa Mu D3

Tên khoa học: C.

Sa M (C) là cây gỗ lớn thuộc chi S (C) họ Hoàng đàn (Cupressaceae).

Sa M (C) được xếp nhóm IA trong “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 22/01/2019 và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 22/01/2019;

G (C) được xếp nhóm I trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ L - nay là Bộ N.

+ Nhóm 02: Gỗ Pơ mu số lượng 37 khúc, cục. Khối lượng 292 kg; Mẫu gỗ ký hiệu A10 đánh số 165, được đánh số 24015-39 có tên, nhóm gỗ:

Tên Việt Nam: Pơ mu

Tên khoa học: F (D) A. Henry&thomas

P (F) là cây gỗ lớn thuộc họ H (C).

Pơmu (F) được xếp nhóm IIA trong “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ;

P (*Fokienia hodginsii*) được xếp nhóm I trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ L - nay là Bộ N.

Ngày 06/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ban hành Yêu cầu định giá tài sản số: 21/YC-CSĐT(KT) đến Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B để tiến hành định giá 03 lô gỗ thu được của Tổng Văn B.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B, kết luận:

Lô gỗ 1: Thu tại thửa đất của gia đình Tống Văn B - Sinh năm: 1987, trú tại tổ I, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang vào ngày 17/12/2024 có giá trị là: 6.177.000 (*sáu triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*). Cụ thể:

- Gỗ Sa mộc dầu, nhóm IA; số lượng: 45 khúc gỗ dạng gốc, rễ có khối lượng là: 269 kg, quy ra gỗ tròn là 0,269m³ tại thời điểm định giá có giá trị là 4.573.000 (*Bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng*);

- Gỗ X, nhóm Thông thường số lượng 8 khúc gỗ dạng gốc, rễ có khối lượng là: 176 kg, quy ra gỗ tròn là 0,176m³ tại thời điểm định giá có giá trị là 704.000 (*Bảy trăm linh tư nghìn đồng*);

- Gỗ Xà cừ, nhóm Thông thường số lượng 10 khúc gỗ dạng gốc, rễ có khối lượng là: 225 kg, quy ra gỗ tròn là 0,225m³ tại thời điểm định giá có giá trị là 900.000 (*Chín trăm nghìn đồng*).

Lô gỗ 2: T tại nhà Tống Văn B thuê thuộc tổ I, thị trấn V, huyện B vào ngày 17/12/2024 tại thời điểm định giá có giá trị là: 6.979.000 (*sáu triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng*). Cụ thể:

- Gỗ Sa mộc dầu, nhóm IA; số lượng: 35 khúc gỗ dạng gốc, rễ có khối lượng là: 379 kg, quy ra gỗ tròn là 0,379m³ tại thời điểm định giá có giá trị là: 6.443.000 (*sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng*)

- Gỗ Xà cừ, nhóm Thông thường số lượng 07 khúc gỗ dạng gốc, rễ có khối lượng là: 134 kg, quy ra gỗ tròn là 0,134m³ tại thời điểm định giá có giá trị là: 536.000 (*năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

Lô gỗ 3: Thu tại thửa đất nhà ông Phạm Việt D, SN 1982, trú tại: Tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang vào ngày 17/12/2024 tại thời điểm định giá có giá trị là: 34.395.000 (*ba mươi tư triệu ba trăm chín mươi năm nghìn đồng*). Cụ thể:

- Gỗ Sa mộc dầu, nhóm IA; số lượng: 243 khúc gỗ dạng gốc, rễ có khối lượng là: 1815 kg, quy ra gỗ tròn là 1,815m³ tại thời điểm định giá có giá trị là: 30.855.000 (*ba mươi triệu tám trăm năm mươi năm nghìn đồng*)

- Gỗ Pơ Mu, nhóm IIA số lượng 37 khúc gỗ dạng gốc, rễ có khối lượng là: 292 kg, quy ra gỗ tròn là 0,292m³ tại thời điểm định giá có giá trị là 3.504.000 (*ba triệu năm trăm linh tư nghìn đồng*).

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 05/CT-VKSBQ ngày 28/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Tống Văn B về tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Tống Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với bị cáo Tống Văn B theo bản cáo trạng. Về hình phạt đề nghị áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232, Điều 65, Điều 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tống Văn

B từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Tổng Văn B cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự;

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

- Về hình phạt bổ sung và án phí: Bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm và nhất trí với bản cáo trạng, luận tội và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật, bị cáo xin hứa không bao giờ tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện B trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng, nhưng trước đó đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Tổng Văn B tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện

trường, sơ đồ hiện trường, tài liệu thu giữ vật chứng, tài liệu giám định đối với số gỗ thu được, biên bản định giá tài sản, kết luận định giá tài sản, lời khai của người làm chứng, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tháng 9 năm 2024, Tổng Văn B, có hành vi tàng trữ 323 (ba trăm hai mươi ba) khúc gỗ dạng gốc, rễ loại gỗ Sa mộc dầu (Cunninghamia konishii) có khối lượng gỗ quy tròn là 2.463m³ (hai phẩy bốn trăm sáu mươi ba mét khối) với tổng giá trị 41.871.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm bảy một nghìn đồng) tại Tổ I và tổ A thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang Giang. Hành vi của bị cáo Tổng Văn B đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

[4] Điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...k) Tàng trữ ... trái phép từ 1,5 mét khối (m³) đến dưới 03 mét khối gỗ thuộc Danh mục ... thực vật rừng ... quý, hiếm nhóm IA..."

[5] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Tổng Văn B về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác bảo vệ rừng, gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý tài nguyên rừng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ gỗ dạng gốc, rễ loại gỗ Sa mộc dầu (Cunninghamia konishii) thuộc loại quý hiếm được ưu tiên bảo vệ không có thủ tục, không có giấy phép kinh doanh là trái phép, nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân, bị cáo vẫn cố ý tàng trữ 2.463m³ gỗ dạng gốc, rễ loại gỗ Sa mộc dầu (Cunninghamia konishii) được xếp nhóm IA trong Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Do bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nên cần xử lý bị cáo bằng chế tài Luật hình sự với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[7] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo B có người thân là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; về nhân thân năm 2019 bị xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, bị cáo chấp hành xong và đã được xóa.

[8] Trong vụ án này, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, vì vậy, mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo B trong vụ án là phù hợp, đồng thời trong thời gian tại ngoại bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay có vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo B ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng các quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước ta.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện kinh tế của bị cáo, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 điều 232 Bộ luật Hình sự là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[11] Đối với 317 khúc gỗ Sa mộc dầu (*Cunninghamia konishii*) dạng gốc, rễ có khối lượng theo bảng kê lâm sản do Chi cục kiểm lâm tỉnh H lập ngày 23/12/2024 trong đó: Lô gỗ 1: 43 (bốn mươi ba) khúc gỗ Sa mộc dầu (*Cunninghamia konishii*) dạng gốc, rễ thu giữ tại nhà Tống Văn B; lô gỗ 2: 34 (ba mươi bốn) khúc gỗ Sa mộc dầu dạng gốc, rễ thu giữ tại nhà Tống Văn B thuê thuộc tổ I, thị trấn V, huyện B; lô gỗ 3: 240 (hai trăm bốn mươi) khúc gỗ Sa mộc dầu dạng gốc, rễ thu giữ tại mảnh đất nhà Phạm Việt D thuộc tổ A, thị trấn V, huyện B. Xét thấy đây là gỗ do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Đối với Phạm Việt D là chủ thửa đất cho Tống Văn B mượn khu đất trồng để tàng trữ lâm sản trái pháp luật thuộc tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình điều tra xác định Phạm Việt D không biết là loại gỗ gì, do quen biết và tin tưởng nên Phạm Việt D đồng ý cho B để nhờ, vì vậy không đủ căn cứ để xử lý.

[13] Đối với Nguyễn Văn T1 là chủ ngôi nhà mà Tống Văn B thuê để tàng trữ lâm sản trái pháp luật thuộc tổ I, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình điều tra, xác định Nguyễn Văn T1 hiện đang sinh sống tại tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Việc Tống Văn B tàng trữ gỗ T1 không biết và không tham gia cùng vì vậy không đủ căn cứ để xử lý.

[14] Đối với người đàn ông đã bán gỗ cho Tống Văn B. Quá trình điều tra không xác định được do đó cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Hà Giang không có căn cứ để điều tra, làm rõ, vì vậy không đủ căn cứ để xử lý.

[15] Đối với 07 khúc xoan, 15 khúc xà cừ và 36 khúc gỗ Pơ Mu, ngày 09/01/2025 Công an huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Tổng Văn B về hành vi tàng trữ lâm sản trái pháp luật quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 23 Nghị Định 35/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 14 Điều 1 Nghị định 07/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp với số tiền là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và tịch thu toàn bộ số gỗ trên là đúng quy định, do vậy HĐXX không đề cập xử lý.

[16] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm k khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tổng Văn B phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Tổng Văn B 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Tổng Văn B cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự;

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 317 khúc gỗ Sa mộc dầu (Cunninghamia konishii) dạng gốc, rễ có khối lượng theo bảng kê lâm sản do Chi cục kiểm lâm tỉnh H lập ngày 23/12/2024 trong đó: Lô gỗ 1: 43 (bốn mươi ba) khúc gỗ Sa mộc dầu (Cunninghamia konishii) dạng gốc, rễ thu giữ tại nhà Tổng Văn B; lô gỗ 2: 34 (ba mươi bốn) khúc gỗ Sa mộc dầu dạng gốc, rễ thu giữ tại nhà Tổng Văn B thuê thuộc tổ I, thị trấn V, huyện B; lô gỗ 3: 240 (hai trăm bốn mươi) khúc gỗ Sa mộc dầu dạng gốc, rễ thu giữ tại mảnh đất nhà Phạm Việt D thuộc tổ A, thị trấn V, huyện B.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa cơ quan công an huyện B, Hạt Kiểm lâm huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 28/02/2025).

4. Về án phí: Bị cáo Tổng Văn B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an tỉnh Hà Giang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Hạt Kiểm lâm huyện BQ;
- UBND TT Việt Quang, huyện BQ;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh